

Phát triển nông nghiệp bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu tại tỉnh Hậu Giang

NGUYỄN VĂN ĐIỀU^{1, *}

TRẦN TẤN LỰC²

¹ Trường Đại học Cảnh sát Nhân dân TP.HCM

² Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM

Nhận bài: 23/04/2022 - Duyệt đăng: 15/06/2022

(*) Liên hệ: mrkitedhcs@gmail.com - Tel: 0919446053

Tóm tắt:

Hậu Giang là tỉnh thuộc vùng châu thổ sông Mê Công - vùng trung tâm của Tiểu vùng Tây Nam sông Hậu. Hiện nay, cùng với các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, Hậu Giang cũng chịu ảnh hưởng nặng nề từ biến đổi khí hậu. Nhận thức rõ điều này, tác giả tập trung phân tích thực trạng nông nghiệp bền vững trong 03 ngành nông-lâm-ngư nghiệp trước diễn biến của biến đổi khí hậu trong công cuộc phát triển nông nghiệp bền vững tại tỉnh Hậu Giang. Từ thực trạng và tác động của biến đổi khí hậu, tác giả đưa ra 05 giải pháp nhằm ứng phó với tình hình trên bao gồm: Giải pháp về rà soát, điều chỉnh quy hoạch các vùng sản xuất chuyên canh phù hợp với tình trạng biến đổi khí hậu; Giải pháp thu hút nguồn vốn đầu tư vào phát triển nông nghiệp bền vững; Giải pháp đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp; Giải pháp nâng cao chuỗi giá trị các hàng hóa nông sản kết hợp với phát triển công nghiệp chế biến và du lịch sinh thái; Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp bền vững.

Từ khóa: nông nghiệp bền vững, phát triển, biến đổi khí hậu, kinh tế, Hậu Giang.

Abstract:

Hau Giang is a province in the Mekong Delta, the central region of the Southwest Sub-region of the Hau River. Currently, like other provinces in the Mekong Delta, Hau Giang has been severely affected by climate change. Accordingly, this study aims to analyze the current situation of sustainable agriculture in the three agro-forestry-fishery sectors in the landscape of climate change in the sustainable agricultural development in Hau Giang province. From the basis of the actual situation and specific evidences on the effects of climate change, five solutions to cope with the above situation are proposed, including: Solutions to reviewing and adjusting the planning of production areas specialized production in accordance with the situation of climate change; solutions to attracting investment in sustainable agricultural development; solutions to research development and application of science and technology in agricultural production; solutions to improving the value chain of agricultural products in combination with the development of processing industry and ecotourism; solutions of human resource development to meet the needs of sustainable agricultural development.

Keywords: sustainable agriculture, development, climate change, economics, Hau Giang.

1. Giới thiệu

Những năm gần đây quá trình phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam đang đứng trước những thách thức lớn của sự biến đổi của điều kiện tự nhiên, của khí hậu, thời tiết. Biến đổi khí hậu đã không còn là một dự báo mà đang diễn ra và tác động tiêu cực đối với nền kinh tế nói chung và nền nông nghiệp nói riêng. Các áp lực mà biến đổi khí hậu gây ra là nguy cơ trực tiếp với mục tiêu xóa đói giảm nghèo, mục tiêu thiên niên kỷ và sự phát triển bền vững. Trong đó phải kể đến những hệ lụy mà biến đổi khí hậu đã gây ra cho nông nghiệp như: nhiệt độ tăng cao giảm thấp bất thường, nắng nóng gay gắt, hạn hán, mưa cục bộ kéo dài kèm giông lốc hay tình trạng thiếu nước ngọt, xâm nhập mặn, điều kiện cho sâu bệnh phát triển...

Hậu Giang là tỉnh có thế mạnh về nông nghiệp được thành lập năm 2004 do tách từ tỉnh Cần Thơ cũ, có nhiều điều kiện thuận lợi về mặt tự nhiên và vị trí địa lý khi nằm trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, có hệ thống sông ngòi dày đặc mang lại phù sa màu mỡ và nước ngọt quanh năm. Phát triển nông nghiệp bền vững ở tỉnh Hậu Giang trong những năm qua đã đạt một số kết quả như: bước đầu như thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, chuyển đầu tư sản xuất từ chiều rộng sang đầu tư chiều sâu, đã mang lại những kết quả đáng kể. Tỉnh có điều kiện hình thành và mở rộng các vùng chuyên canh sản xuất quy mô lớn để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu như: vùng nguyên liệu lúa chất lượng cao, vùng nguyên liệu mía, vùng nguyên liệu khóm,

vùng cây ăn trái đặc sản, vùng nuôi trồng thủy sản...Phát triển nông nghiệp ở tỉnh Hậu Giang trong những năm qua đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận. Cụ thể, giai đoạn 2016-2020 tốc độ tăng giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt 5,26% (Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, 2021). Bên cạnh đó, tình trạng biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi...tiếp tục gây ảnh hưởng lớn đối với sản xuất nông nghiệp. Các hiện tượng thời tiết cực đoan như dông lốc, sạt lở hay tác động từ đất, nước là thách thức nghiêm trọng đối với nông nghiệp tại Hậu Giang (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2020). Chính vì vậy, công trình này tập trung nghiên cứu hoạt động phát triển nông nghiệp bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu ở tỉnh Hậu Giang. Thông qua đó nhằm làm rõ thực trạng và đề xuất giải pháp cho phát triển nông nghiệp bền vững ở tỉnh Hậu Giang thích ứng với tình trạng biến đổi khí hậu hiện nay.

Để thực hiện nghiên cứu này tác giả dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Sử dụng phương pháp nghiên cứu điển hình của ngành kinh tế chính trị đó là phương pháp trừu tượng hóa khoa học. Trong nghiên cứu này, phương pháp trừu tượng hóa khoa học phân tích xác định những vấn đề bản chất trong việc phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững ở tỉnh Hậu Giang, lựa chọn những mô hình nổi bật thể hiện được hướng đi phù hợp của địa phương trong việc thích ứng với sự thay đổi của điều kiện tự

nhiên, của tình trạng biến đổi khí hậu. Xác định được những yếu tố trọng tâm, cốt lõi mà tỉnh Hậu Giang cần thực hiện trong thời gian tới để chuyển từ trạng thái đối phó sang trạng thái thích với biến đổi khí hậu. Đồng thời để đưa ra các nhận định, đánh giá gắn liền với đặc điểm về kinh tế xã hội qua các giai đoạn khác nhau, công trình nghiên cứu vận dụng phương pháp logic lịch sử để xem xét, đánh giá các điều kiện lịch sử cụ thể tác động đến thực trạng phát triển nông nghiệp Hậu Giang theo hướng bền vững thời gian qua. Sử dụng tổng hợp các phương pháp phân tích mô tả, thống kê, so sánh, khái quát hóa nhằm phản ánh những đặc tính của đối tượng nghiên cứu thông qua việc diễn giải các khái niệm và mô tả thực trạng về phát triển nông nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Bên cạnh đó, phương pháp khảo sát, điều tra thực tế được công trình nghiên cứu sử dụng để thu thập các số liệu, các chỉ số phản ánh về thực trạng phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững của tỉnh Hậu Giang. Các số liệu khảo sát điều tra thực tế được thu thập từ các thông tin đã được công bố như: sách, tạp chí, báo chuyên ngành, báo mạng Internet, số liệu từ Tổng cục thống kê, các văn bản của các cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương. Công trình còn sử dụng phương pháp dự báo nhằm đưa ra những nhận định về các yếu tố kinh tế - xã hội, điều kiện tự nhiên, tình trạng biến đổi khí hậu có ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp bền vững ở tỉnh Hậu Giang, xu hướng và chiến lược phát triển nông nghiệp của

tình... Từ đó, làm cơ sở xây dựng các giải pháp góp phần phát triển nông nghiệp bền vững ở tỉnh Hậu Giang trong điều kiện biến đổi khí hậu thời gian tới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổng quan về phát triển nông nghiệp bền vững

Khái niệm “phát triển bền vững” xuất hiện trong phong trào bảo vệ môi trường từ những năm đầu của thập niên 70 của thế kỷ 20. Năm 1987, trong Báo cáo “Tương lai chung của chúng ta” của Hội đồng Thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED) của Liên hợp quốc, phát triển bền vững được định nghĩa là sự phát triển đáp ứng được những yêu cầu của hiện tại, nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau. Đến năm 2002 tại Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Phát triển bền vững tổ chức ở Johannesburg-Nam Phi, khái niệm về phát triển bền vững được xác định cụ thể hơn: đó là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Theo đó, ba trụ cột phát triển bền vững được xác định là: Thứ nhất, bền vững về mặt kinh tế, hay phát triển kinh tế bền vững là phát triển nhanh và an toàn, chất lượng; Thứ hai, bền vững về mặt xã hội là công bằng xã hội và phát triển con người, chỉ số phát triển con người (HDI) là tiêu chí cao nhất về phát triển xã hội, bao gồm: thu nhập bình quân đầu người; trình độ dân trí, giáo dục, sức khỏe, tuổi thọ, mức hưởng thụ về văn hóa, văn minh; Thứ ba, bền vững về sinh thái môi trường là khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên

thiên nhiên, bảo vệ môi trường và cải thiện chất lượng cuộc sống.

Ngành nông nghiệp cũng như các lĩnh vực khác của nền kinh tế, quá trình phát triển nông nghiệp cũng kéo theo những tác động nhất định đến môi trường sinh thái, những vấn đề về ô nhiễm môi trường, thoái hóa đất đai, ô nhiễm nguồn nước, chất lượng sản xuất khu vực nông thôn ngày càng bị đe dọa. Vì vậy, mô hình phát triển nông nghiệp mang tính bền vững luôn được sự quan tâm của các quốc gia trên thế giới. Theo Tổ chức lương thực và nông nghiệp Liên Hợp quốc (FAO) năm 1992: phát triển nông nghiệp bền vững được quan niệm là sự quản lý và bảo tồn sự thay đổi về tổ chức và kỹ thuật nhằm đảm bảo thỏa mãn ngày càng tăng của con người cả trong hiện tại và mai sau. Theo tổ chức này phát triển bền vững của nền nông nghiệp là không làm tổn hại đến môi trường, không làm giảm cấp tài nguyên phù hợp với kỹ thuật và công nghệ, có hiệu quả kinh tế và được xã hội chấp nhận (Nguyễn Minh Luân, 2016).

Phát triển bền vững của nền nông nghiệp là không làm tổn hại đến môi trường, không làm giảm cấp tài nguyên phù hợp với kỹ thuật và công nghệ, có hiệu quả kinh tế và được xã hội chấp nhận. Sự phát triển nông nghiệp bền vững được định nghĩa như là tối đa hoá lợi ích của phát triển kinh tế trên cơ sở ràng buộc việc duy trì chất lượng của nguồn lực tự nhiên theo thời gian, được xem như một sự cân bằng duy trì giữa phát triển kinh tế và bền vững sinh thái. Ở Việt Nam cũng có nhiều công trình nghiên cứu và

đưa ra các quan niệm khác nhau về phát triển nông nghiệp bền vững. Phát triển nông nghiệp bền vững là quá trình đa chiều, bao gồm: tính bền vững của chuỗi lương thực (từ người sản xuất đến tiêu thụ, liên quan trực tiếp đến cung cấp đầu vào, chế biến và thị trường); tính bền vững trong sử dụng tài nguyên đất và nước về không gian và thời gian; khả năng tương tác thương mại trong tiến trình phát triển nông nghiệp và nông thôn để đảm bảo cuộc sống đủ, an ninh lương thực trong vùng và giữa các vùng. Hoặc Phát triển nông nghiệp bền vững là quá trình đảm bảo hài hòa ba nhóm mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường, thỏa mãn nhu cầu về nông nghiệp hiện tại mà không tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của tương lai (Nguyễn Minh Luân, 2016).

Tuy chưa có sự đồng nhất về định nghĩa nông nghiệp bền vững giữa các nhà kinh tế học, nhưng nhìn chung các học giả nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam đều nhìn nhận về phát triển nông nghiệp bền vững trên khía cạnh mô hình phát triển kinh tế. Trong đó có mối quan hệ ràng buộc giữa ba yếu tố cơ bản: tăng trưởng kinh tế trong nông nghiệp nhằm đáp ứng được nhu cầu cơ bản cho con người hiện tại; đồng thời giải quyết các vấn đề về đói nghèo, về thu nhập, trình độ văn hóa của người dân nông thôn; về tình trạng suy thoái môi trường và các yếu tố nhằm đáp ứng cho cuộc sống con người trong tương lai.

Từ các quan điểm nêu trên, công trình xây dựng quan điểm về phát triển nông nghiệp bền vững như sau: Phát triển nông

ngành bền vững là quá trình sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm được mục đích kiến tạo một hệ thống bền vững kinh tế - xã hội - môi trường, nhằm thỏa mãn nhu cầu về phát triển nông nghiệp hiện tại mà không tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của phát triển trong tương lai và được xã hội chấp nhận. Trong đó: Bền vững về kinh tế đòi hỏi sản xuất nông nghiệp đạt được những tiêu chí về tốc độ tăng trưởng ở mức ổn định, có cơ cấu ngành hợp lý, hiện đại theo hướng sản xuất hàng hóa lớn; Bền vững về xã hội, là một nền nông nghiệp đảm bảo cho người nông dân có đầy đủ công ăn việc làm, có thu nhập ổn định, không còn tình trạng đói nghèo, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng được nâng lên; Bền vững về môi trường, là mọi hoạt động sản xuất nông nghiệp gắn liền với việc khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực dẫn đến hiện tượng suy thoái, ô nhiễm môi trường và làm cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

2.2. Kết quả phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu tại tỉnh Hậu Giang

2.2.1. Những thành tựu nổi bật

Một là, Tỉnh đã tập trung phát triển các mặt hàng nông sản chủ lực theo hướng sản xuất lớn

Trong thời gian qua để thúc đẩy quá trình phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, Hậu Giang đã tập trung phát triển các mặt hàng chủ lực, tạo thế mạnh cạnh tranh và nâng cao giá trị sản xuất cho người dân. Nhờ vào đó

thúc đẩy sản xuất theo hướng tập trung quy mô lớn, khai thác được lợi thế so sánh của Hậu Giang với các tỉnh khác trong khu vực. Cụ thể từ năm 2013 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang đã xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Đề án tập trung phát triển các mặt hàng tiềm năng và có lợi thế của tỉnh. Trong đó, tỉnh đã xác định nhóm cây trồng chủ lực gồm:

Cây lúa với diện tích đất canh tác gần 80.000 ha và tổng diện tích gieo trồng hàng năm đạt 200.000 ha, tỷ lệ sử dụng giống xác nhận đạt trên 70%, tổng sản lượng ổn định đạt 1,2 triệu tấn/năm. Hiện nay, tỉnh Hậu Giang đã xây dựng vùng nguyên liệu lúa chất lượng cao với tổng quy hoạch đến năm 2025, Hậu Giang phát triển và mở rộng thu hút vốn đầu tư nước ngoài cho dự án sản xuất lúa chất lượng cao đạt tiêu chuẩn xuất khẩu với quy mô 1.000 ha tại 02 huyện Vị Thủy và Châu Thành A (Trúc Giang, 2021).

Cây ăn trái với tổng diện tích tính tới năm 2020 là 41.687 ha, tổng sản lượng đạt khoảng 466.144 tấn. Phần lớn là các cây có múi với diện tích là 13.368 ha, xoài 3.211 ha, mít 8.040 ha, măng cầu 721 ha, khóm 2.846 ha, còn lại cây ăn trái khác. Gần đây, Hậu Giang quan tâm phát triển cây có múi sạch bệnh và các cây ăn trái đặc sản như: bưởi năm roi, cam sành, cam mật, quýt đường, xoài cát Hòa Lộc, măng cầu xiêm... (Trúc Giang, 2021).

Kết quả của chiến lược đã

góp phần hình thành các vùng chuyên canh, tập trung với các cây trồng chủ lực và được xây dựng nhãn hiệu cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, có 7 sản phẩm cây ăn quả được tỉnh cấp chứng nhận nhãn hiệu tập thể: Bưởi năm roi Phú Thành Hậu Giang, Cam sành Ngã Bảy, Khóm Cầu Đức, Chanh không hạt Hậu Giang, Quýt đường Long Trị, Cam xoàn Phụng Hiệp, Xoài cát Hậu Giang. Trong đó, 2 loại cây: cam sành, khóm đã phát triển thành thương hiệu nổi tiếng; cả 7 loại nông sản trên đều đạt tiêu chuẩn GAP (Ủy ban Nhân dân tỉnh Hậu Giang, 2021).

Hai là, áp dụng mô hình “cánh đồng lớn” trong sản xuất nông nghiệp

Cụ thể từ quý I năm 2012 mô hình cánh đồng mẫu lớn được triển khai thực hiện tại tỉnh Hậu Giang. Cho đến nay, mô hình này đã đạt được nhiều kết quả tích cực và thu hút quan tâm của đông đảo nông dân. Tổng diện tích các cánh đồng lớn toàn tỉnh là 6.467 ha với 5.553 hộ tham gia. Trong đó, huyện Châu Thành A 1.081 ha, Phụng Hiệp 642 ha, thị xã Long Mỹ 345 ha, Vị Thủy 1.087 ha, huyện Long Mỹ 3.196 ha và thành phố Vị Thanh 116 ha (Hoài Thu, 2019).

Mô hình cánh đồng lớn trong sản xuất đã phát huy hiệu quả trong việc thúc đẩy nông dân đi vào con đường sản xuất lớn, góp phần phát triển các mô hình sản xuất tập thể mang lại năng suất và hiệu quả kinh tế cao cho nông dân Hậu Giang. Các doanh nghiệp tham gia phát triển cánh đồng lớn đã góp phần giúp cho hoạt động sản xuất của người

nông dân được thuận lợi, chất lượng sản phẩm được nâng cao tạo sức cạnh tranh và thu nhập ngày càng tốt hơn cho nông dân.

Cánh đồng mẫu lớn đã góp phần nâng cao được hiệu quả kinh tế trong sản xuất lúa của nông dân Hậu Giang trong thời gian qua. Trong đó, năng suất tăng từ 0,1-0,12 tấn/ha; chi phí sản xuất giảm từ 2-3 triệu đồng/ha; giá bán cao hơn từ 100-500 đồng/kg; lợi nhuận tăng từ 2-5 triệu đồng/ha (20-25%) so với việc không thực hiện mô hình (Hoài Thu, 2019).

Ba là, áp dụng biện pháp canh tác, kỹ thuật trồng trọt theo hướng “sản xuất sạch”, “nông nghiệp hữu cơ”

Trong những năm qua Hậu Giang đã chú trọng thực hiện các biện pháp sản xuất, kỹ thuật canh tác hiện đại, đặc biệt là các phương pháp sinh học trong việc quản lý dịch hại trên đồng ruộng, nhằm gia tăng năng suất nhưng đồng thời hạn chế được việc sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất trên đồng ruộng, vườn cây ăn trái. Đây chính là một trong những hướng đi tích cực của tỉnh để đảm bảo môi trường sinh thái bền vững, hướng đến nền nông nghiệp sạch và bền vững.

Theo Bảng 1 cho thấy, trong bối cảnh biến đổi khí hậu thì việc quản lý về lượng thuốc bảo vệ thực vật, sử dụng hợp lý phân bón, sử dụng nước tiết kiệm không chỉ mang lại hiệu quả về kinh tế mà còn tác động tích cực đến môi trường.

Ngoài ra, Hậu Giang luôn chú trọng thực hiện mô hình công nghệ sinh thái trong canh tác các loại trái cây, rau quả. Điển

Bảng 1. Hiệu quả thực hiện mô hình canh tác lúa thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu ở huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

Huyện	Vụ sản xuất	Lượng giống gieo sạ cụm (kg/ha)	Lượng giống gieo sạ truyền thống (kg/ha)	Tổng lợi nhuận (đồng/ha)	Tổng lợi nhuận theo phương pháp truyền thống (đồng/ha)
Phụng Hiệp	Đông Xuân	50	150-200	25.697.000	21.835.000
	Hè Thu			12.110.000	10.700.000

Nguồn: Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp Hậu Giang, 2021

hình một số cây ăn trái như bưởi, cam, quýt, sầu riêng, măng cầu xiêm và khóm được cấp giấy chứng nhận sản xuất vệ sinh an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP với tổng diện tích là 164,41 ha; được công nhận sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP là bưởi và chanh với tổng diện tích là 60 ha (Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, 2021).

Nhiều phương pháp canh tác sản xuất hiện đại theo hướng nâng cao giá trị và phát triển bền vững đã được tỉnh Hậu Giang áp dụng thành công, điển hình đã có nhiều mô hình thí điểm đạt được hiệu quả kinh tế cao như: kết hợp sản xuất lúa – nuôi trồng thủy sản, sử dụng nấm xanh – kết hợp quản lý tổng hợp dịch bệnh IPM trong phòng trừ dịch bệnh, áp dụng chương trình “3 giảm, 3 tăng” trong sản xuất lúa, thực hiện chương trình “một phải, năm giảm”...Nhờ vào đó một mặt mang lại hiệu quả kinh tế cho người dân, đồng thời có ý nghĩa thiết thực trong bảo vệ môi trường sinh thái tự nhiên, giảm thiểu tác động của các loại phân bón, hóa chất, góp phần vào sự phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Bốn là, phát triển các mô hình sản xuất thích ứng với tình trạng biến đổi khí hậu

Mô hình nuôi cá, tôm kết hợp trên ruộng lúa được xem là một bước đi quan trọng để tỉnh

phát triển nền nông nghiệp theo hướng bền vững. Sau vụ nuôi tôm, cá nông dân trồng lúa sẽ tận dụng được phân hữu cơ từ phế thải và thức ăn thừa của tôm, cá hạn chế được một phần phân hóa học, môi trường sinh thái được bảo vệ, góp phần nâng cao chất lượng lúa hàng hóa, giúp nông dân gia tăng thu nhập trên diện tích canh tác. Toàn tỉnh Hậu Giang với tổng diện tích tính của mô hình kết hợp này đến năm 2020 đạt 4.670 ha, tăng 7,7% so với năm 2019. Năng suất cá ở mức 1-1,2 tấn/hecta, được thu mua ở mức giá từ 12.000-14.000 đồng/kg đối với cá chép, 8.000-10.000 đồng/kg đối với cá mè, 20.000 đồng/kg đối với các loại cá rô phi, 60.000-90.000 đồng/kg đối với cá lóc. Sau khi trừ hết các khoản chi phí, người nông dân có tổng thu nhập khoảng 12.000.000-15.000.000 đồng/hecta sau thời gian 3 tháng thả nuôi (Mai Quỳnh, 2021).

Bên cạnh đó, để thích ứng với tình trạng biến đổi khí hậu, đặc biệt là hiện tượng xâm nhập mặn diễn ra phức tạp trong những năm gần đây, người dân Hậu Giang đã chủ động thực hiện chuyển đổi các cây trồng phù hợp với điều kiện sản xuất mới. Điển hình như:

Mô hình sản xuất khóm (dứa) Cầu Đúc ở một số xã của huyện Long Mỹ và thành phố Vị Thanh. Với đặc điểm vùng đất bị nhiễm

mặn, phèn rất khó khăn cho canh tác lúa, người dân trong khu vực đã chuyển đổi sang chuyên canh trồng khóm với thương hiệu khóm Cầu Đúc vừa thích nghi với điều kiện đất đai vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao. Cụ thể, kết quả năm 2020 thu được từ xã Hòa Tiến, thành phố Vị Thanh trong những năm gần đây, được thương lái mua lại đối với khóm loại 1 là 10.000-11.000 đồng/trái, khóm trái nhỏ cũng đạt 6.500 đồng/trái, tăng khoảng 02 lần so với các năm. Với mức giá này, người trồng khóm có thể thu được lợi nhuận 50-60 triệu đồng/năm/ha (Phương Nghi, 2020).

Mô hình trồng măng cầu xiêm ở xã Thuận Hòa, huyện Long Mỹ. Đối với vùng đất nhiễm phèn ở huyện Long Mỹ, người dân đã thực hiện chuyển đổi sang trồng măng cầu xiêm ghép trên gốc bình bát mang lại hiệu quả kinh tế cao. Theo kết quả thu hoạch của Hợp tác xã Thuận Hòa, huyện Long Mỹ cho thấy cây trồng được 2 và cho trái 2 vụ/năm. Mỗi công măng cầu cho năng suất 4,5-5 tấn, bán với giá 14.000-16.000 đồng/kg, mang lại thu nhập từ 40-42 triệu đồng/công/năm sau khi trừ hết chi phí. Bên cạnh đó, nông dân còn làm trà măng cầu bán giá từ 450.000-500.000 đồng/kg, lá tươi măng cầu bán giá 15.000 đồng/kg.

Năm là, áp dụng mô hình chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học

Trong thời gian qua, tỉnh đã chủ trương thực hiện đề án tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp, trong đó có lĩnh vực chăn nuôi theo hướng phát triển các vật nuôi có lợi thế và tiềm năng thị trường cao đáp ứng nhu cầu trong nước. Cụ

thể đề án chuyển đổi cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (còn gọi là Đề án 1000) đã xác định trong lĩnh vực chăn nuôi sẽ chuyển đổi 1.000 hộ chăn nuôi heo, gà nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung trên nền đệm lót sinh học, nuôi gà thả vườn theo hướng an toàn dịch bệnh gắn với bảo vệ môi trường, tận thu khí sinh học. Với mô hình chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học mang lại nhiều giá trị tích cực đối với việc phát triển kinh tế như: hạn chế nhiều loại dịch bệnh, giảm chi phí đầu tư so với nuôi truyền thống, môi trường giảm ô nhiễm. ngoài ra, việc áp dụng mô hình chăn nuôi theo hướng công nghệ mới như dự án ứng dụng đã tăng sức đề kháng cho vật nuôi, hạn chế dùng thuốc kháng sinh cũng mang lại nhiều hiệu quả đáng chú ý. Trong đó phải kể đến là cho xuất chuồng sớm từ 10-15 ngày, giảm ngày công lao động, giảm mùi hôi phân từ 70-80%, góp phần giảm ô nhiễm môi trường, giúp các địa phương thuận lợi phát triển kinh tế trong quá trình xây dựng xã nông thôn mới (Trúc Linh, 2019).

Sáu là, phát triển các mô hình và giải pháp nâng cao hiệu quả ngành thủy sản

Trong năm 2020, tỉnh Hậu Giang đã đạt được mục tiêu dự án xây dựng mô hình nuôi tôm sú quảng canh và quảng canh cải tiến luân canh với lúa trên vùng đất phèn nhiễm mặn ở huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Ngoài việc xây dựng thành công quy trình nuôi tôm sú quảng canh, quảng canh cải tiến luân canh với lúa và quy trình kỹ thuật trồng lúa trên vùng đất phèn nhiễm mặn thì dự án còn góp phần cải thiện thu nhập

cho người nông dân lên 1,5-2 lần so với sản xuất 1 vụ lúa/năm. Kết quả cho thấy, với mô hình nuôi quảng canh tôm sú - lúa mật độ 2 con/m² và không cho ăn bổ sung đã đạt năng suất 104 - 128,7kg/ha/vụ, lợi nhuận bình quân 13,3 triệu đồng/ha, tỷ suất lợi nhuận 1,1; mô hình quảng canh cải tiến với mật độ 4 con/m² và có cho ăn bổ sung đạt năng suất 228,9 - 241,2kg/ha/vụ, lợi nhuận bình quân 20,7 triệu đồng/ha.

Tỉnh Hậu Giang xác định phát triển nuôi thủy sản nước ngọt là một thế mạnh của địa phương, là hướng ưu tiên để chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế cao, nuôi thủy sản kết hợp với chế biến xuất khẩu có tính cạnh tranh cao. Vì vậy, trong năm 2021 tỉnh đã tập trung đầu tư hoàn thiện hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản, tạo được những vùng sản xuất tập trung để áp dụng công nghệ tiên tiến, tạo sản lượng hàng hóa lớn và ổn định, bảo vệ môi trường sinh thái. Theo đó năm 2021, tổng diện tích nuôi thủy sản toàn tỉnh được 7.816,12 ha, tăng 2,52% (bằng 191,92 ha) so với cùng kỳ. Trong đó diện tích nuôi cá thát lát được 83,15 ha, tăng 3,48% so cùng kỳ, diện tích nuôi lươn được 2.765 m³, tăng 19,34% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng thủy sản năm 2021 đạt 43.424,39 tấn, tăng 2,05% (bằng 872,89 tấn) so cùng kỳ (Cục thống kê tỉnh Hậu Giang, 2021).

2.2.2. Một số hạn chế trong phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu của tỉnh Hậu Giang

Nhìn chung về giá trị sản xuất ngành nông nghiệp của Hậu Giang có chiều hướng gia tăng.

Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng vẫn ở mức thấp và có những giai đoạn phát triển không ổn định, do nhiều nguyên nhân trong đó sự tác động của điều kiện tự nhiên, thời tiết có ảnh hưởng rất lớn đe dọa đến tình hình phát triển. Cơ cấu sản xuất trong một thời gian dài tập trung chủ yếu nhờ vào sản xuất lúa và các loại cây ăn trái với giá trị, năng suất ở mức thấp nên chưa tạo ra sự vượt bậc trong tăng trưởng ngành này của Tỉnh.

Mô hình cánh đồng lớn còn gặp nhiều khó khăn. Mỗi liên kết “4 nhà” trong tham gia cánh đồng lớn chưa đảm bảo sự bền vững. Lực lượng cán bộ khoa học tham gia vào mô hình để giám sát, hướng dẫn người dân trong việc thực hiện chuyển giao khoa học công nghệ còn hạn chế, chưa kịp thời đáp ứng các nhu cầu của người dân. Về khía cạnh nhà doanh nghiệp và người nông dân vẫn còn tình trạng “bè kèo” phá vỡ các cam kết hợp đồng. Số lượng các cánh đồng mẫu lớn còn rất ít so với toàn bộ diện tích sản xuất lúa của tỉnh, chủ yếu tập trung ở vai trò của các hợp tác xã nông nghiệp, còn đại bộ phận người dân vẫn chưa chủ động tham gia vào mô hình. Một phần do tâm lý người dân chưa có sự thay đổi về tư duy canh tác theo hướng sản xuất lớn, thói quen canh tác nhỏ lẻ, tiểu nông vẫn còn ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống sản xuất của người dân địa phương. Trình độ nông dân cũng không đồng đều nên việc tiếp thu chuyển giao tiến bộ kỹ thuật bị hạn chế. Đặc biệt là những hạn chế của công nghệ sau thu hoạch, công nghệ chế biến sâu làm cho các mặt hàng nông sản được sản

xuất ra chưa có điều kiện để dự trữ, bảo quản theo các tiêu chuẩn quy định, bị động trong khâu tiêu thụ sản phẩm và khó khăn để xây dựng được các thương hiệu đáp ứng thị trường xuất khẩu ra các quốc gia trên thế giới.

Trong lĩnh vực chăn nuôi, việc đảm bảo vệ sinh môi trường hiện mới chỉ chú trọng ở các cơ sở chăn nuôi tập trung, trang trại lớn, các mô hình áp dụng chế phẩm, đệm lót sinh học. Còn lại hầu hết là các hộ chăn nuôi nhỏ, lẻ theo tập quán, thói quen truyền thống xả chất thải trực tiếp xuống kênh, rạch dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường và nguy cơ lây dịch bệnh cho vật nuôi, con người. Trong lĩnh vực nuôi, trồng thủy sản các mô hình thâm canh hoặc bán thâm canh có chi phí đầu tư lớn, người nông dân không đủ nguồn vốn để thực hiện. Bên cạnh đó, thói quen canh tác theo hình thức quảng canh, manh mún đã ăn sâu vào cách làm cách nghĩ của người dân đã làm cho sự chuyển đổi mô hình trong thực tế diễn ra với tốc độ chậm. Thực tế khả năng cung ứng con giống của Tỉnh trong thời gian qua vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra. Vấn đề kiểm soát, đánh giá chất lượng con giống theo đúng tiêu chuẩn gặp rất nhiều khó khăn, tình trạng con giống kém chất lượng, chưa được kiểm định đưa vào sản xuất ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất và hiệu quả canh tác của người dân.

Bên cạnh đó, tình trạng biến đổi khí hậu đã gây ra nhiều hệ lụy nghiêm trọng như tình trạng xâm nhập mặn, ngập úng, sạt lở bờ sông trong nhiều năm qua gây ảnh hưởng đến đời sống nhân dân và nền nông nghiệp của Tỉnh.

Hậu Giang chịu tác động bởi hai đặc điểm nổi bật của chế độ thủy văn nước mặn, đó là tình trạng ngập úng vào mùa mưa và xâm nhập mặn vào mùa khô. Điều này dẫn đến những ảnh hưởng xấu đối với nông nghiệp. Lượng nước ở sông Mê Công ngày càng giảm và càng kiệt về lượng phù sa dẫn đến việc rửa mặn, phèn gặp nhiều hạn chế. Một trong những ảnh hưởng tác động lớn là thu hẹp diện tích trồng và sản lượng lúa. Ngoài ra, thay đổi thời tiết bất thường sẽ làm thay đổi chu kỳ sống, sinh trưởng của cây và dẫn đến những thiệt hại về kinh tế.

2.3. Các giải pháp và khuyến nghị

Dưới tác động của tình trạng biến đổi khí hậu gây ra như xâm nhập mặn, sạt lở, hạn hán, dịch bệnh... đã ảnh hưởng lớn đến phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững ở tỉnh Hậu Giang thời gian qua. Với những dự báo khoa học về tình trạng biến đổi khí hậu ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và tỉnh Hậu Giang nói riêng sẽ còn diễn biến phức tạp. Chính vì vậy, nghiên cứu đã đề ra một số giải pháp để tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu của tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới, đó là:

Thứ nhất, nên điều chỉnh quy hoạch những vùng sản xuất chuyên canh phù hợp bối cảnh biến đổi khí hậu. Trên cơ sở rà soát, Tỉnh Hậu Giang nghiên cứu môi trường sinh thái ở các khu vực bị nước mặn xâm lấn, vùng đất bị phèn hóa và hạn hán... từ đó, Tỉnh có cơ sở đề xuất phương án điều chỉnh về giải

pháp cho cây trồng, vật nuôi phù hợp và định hướng cho các nông hộ, các tổ chức kinh tế có kế hoạch phù hợp. Đặc biệt, chú trọng nhân rộng các mô hình sản xuất ứng phó với biến đổi khí hậu trên thực tiễn đã đạt được hiệu quả và quan tâm, hỗ trợ giúp người dân chuyển đổi các mô hình thành các khu sản xuất tập trung. Thực hiện, điều chỉnh sản xuất những khu vực chuyên canh lúa 3 vụ/năm trước đây chuyển đổi sang mô hình sản xuất luân canh 2 vụ lúa 1 vụ màu hoặc mô hình kết hợp thủy sản – lúa một cách thích hợp.

Thứ hai, chủ động tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư nhằm phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. Để phát triển nền nông nghiệp bền vững, nguồn vốn là một trong những vấn đề rất quan trọng. Vì vậy, Hậu Giang cần xây dựng cơ chế thuận lợi để giúp người dân tiếp cận được với nguồn vốn vay của nhà nước hỗ trợ như: đa dạng hóa các loại tài sản thế chấp để tạo điều kiện tối đa nhất cho người dân, tinh giảm các khâu thủ tục hành chính, gỡ bỏ các điều kiện về quy mô sản xuất đối với một số mô hình... Thực hiện chính sách xã hội hóa trong đầu tư phát triển nông nghiệp, thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư. Khuyến khích người dân tham gia con đường sản xuất tập thể với mô hình liên kết giữa các hộ nông dân thông qua các hợp tác xã, các tổ hợp tác để huy động được nguồn lực một cách hiệu quả từ chính người dân.

Thứ ba, quan tâm nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Trong thời gian tới, Tỉnh cần chú trọng

đặt hàng nghiên cứu, chuyển giao các dự án khoa học công nghệ liên quan đến chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong bối cảnh thay đổi của môi trường sinh thái, tăng cường công tác tập huấn kỹ thuật canh tác tiên tiến cho người dân, định hướng và quy hoạch phát triển các trung tâm sản xuất giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao phục vụ hoạt động sản xuất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Thứ tư, đẩy mạnh chuỗi giá trị các hàng hóa nông sản kết hợp với phát triển công nghiệp chế biến và du lịch sinh thái. Theo đó Tỉnh cần xây dựng chiến lược thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng đáp ứng nhu cầu của thị trường cho từng ngành, từng chủng loại sản phẩm cụ thể, xây dựng các thương hiệu quốc gia về hàng hóa nông sản để tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường và nâng cao giá trị gia tăng. Thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất lớn nhằm tiết kiệm các chi phí trung gian giúp cho lợi nhuận của người sản xuất được nâng cao. Tập trung phát triển hệ thống các cơ sở chế biến trên địa bàn để tạo điều kiện thuận lợi cho việc sơ chế, bảo quản các loại nông sản của người dân. Đồng thời có sự kết nối với các ngành nghề dịch vụ du lịch, đặc biệt là các mô hình du lịch sinh thái. Đây là một hướng đi thích hợp với điều kiện mở rộng giao lưu hợp tác trong giai đoạn hiện nay. Thông qua các mô hình du lịch sinh thái không chỉ thu hút được người dân trong nước mà còn quảng bá các sản phẩm nông sản Hậu Giang ra quốc tế, tạo nên sự gắn kết bền chặt và sinh kế bền vững cho người dân

ở khu vực nông thôn.

Thứ năm, nên quan tâm phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp bền vững. Để phát triển nông nghiệp bền vững ngoài các yếu tố về nguồn vốn, khoa học kỹ thuật, thị trường tiêu thụ nông sản phẩm thì yếu tố con người đóng vai trò rất quan trọng. Cùng với xu hướng phát triển nông nghiệp bền vững trong thời gian tới, nguồn nhân lực của tỉnh Hậu Giang cần phải đáp ứng được những yêu cầu về số lượng và chất lượng. Cần xây dựng được đội ngũ lao động có trình độ tay nghề trong lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là đội ngũ những nhà khoa học tham gia trực tiếp vào hoạt động nghiên cứu và hướng dẫn người dân trong việc ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật. Tổ chức lại đội ngũ cán bộ quản lý trong lĩnh vực nông nghiệp có trình độ chuyên môn, nắm bắt được nhu cầu và xu hướng phát triển của xã hội, kịp thời tham mưu cho chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ người dân trong quá trình sản xuất và phát triển nông nghiệp...

3. Kết luận

Các mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững ở Hậu Giang trong thời gian qua đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ. Nhiều mô hình đã mang lại được hiệu quả kinh tế cho người dân, đồng thời góp phần tích cực vào việc bảo vệ môi trường tự nhiên, duy trì hệ sinh thái.

(Xem tiếp trang 64)